

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án
Trường nội trú liên cấp TH&THCS Tam Lư**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14; Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14; Luật số 62/2020/QH14; Luật số 45/2024/QH15; Luật số 47/2024/QH15; Luật số 55/2024/QH15; Luật số 61/2024/QH15; Luật số 84/2025/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án Trường nội trú liên cấp TH&THCS Tam Lư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 68/TTr-SXD ngày 18/3/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Trường nội trú liên cấp TH&THCS Tam Lư (Kèm theo báo cáo thẩm định số 2423/SXD-HĐXD ngày 18/3/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Trường nội trú liên cấp TH&THCS Tam Lư với những nội dung sau:

1. Điều chỉnh quy mô đầu tư: Cắt giảm các hạng mục xây dựng tại điểm trường lẻ (tại Bản Nà Sáng) ra khỏi dự án.

2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh (làm tròn): **141.137.923.000 đồng**.

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	2.353.195.364 đồng;
- Chi phí xây dựng:	98.141.157.581 đồng;
- Chi phí thiết bị:	17.148.065.767 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	2.110.648.989 đồng;
- Chi phí TVĐTXD:	7.279.731.771 đồng;
- Chi phí khác:	1.274.403.466 đồng;
- Chi phí dự phòng:	12.830.720.294 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

3. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư dự án: Từ “Nguồn ngân sách Trung ương” thành “Nguồn ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh thực hiện giải phóng mặt bằng, đầu tư hoàn trả đường điện”.

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

5. Lý do điều chỉnh: Theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 520/BGDĐT-KHTC ngày 30/01/2026 (nội dung này đã được Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất tại Thông báo Kết luận số 68/TB-UBND ngày 27/02/2026).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ báo cáo, đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng các quy định của pháp luật; tập trung chỉ đạo để bảo đảm hoàn thành dự án theo tiến độ đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

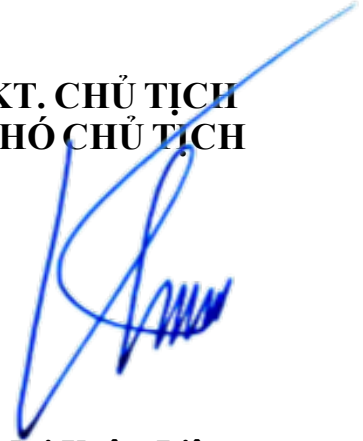
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước

khu vực XI; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa; Chủ tịch UBND xã Tam Lư; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCTTT UBND tỉnh Mai Xuân Liêm;
- Lưu: VT, NNMT, VHXX, CNXDKH_{TM}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, consisting of a large, stylized 'M' followed by a series of loops and a final horizontal stroke.

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án: Trường nội trú liên cấp TH&THCS Tam Lư

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Chênh lệch sau điều chỉnh
I	CHI PHÍ GPMB	3.346.864.308	2.353.195.364	2.353.195.364		-993.668.944
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	120.361.001.035	98.141.157.581	758.561.104	97.382.596.477	-22.219.843.454
1	Điểm trường chính	97.805.283.040	97.382.596.477		97.382.596.477	-422.686.563
2	Điểm trường lẻ	22.555.717.995				-22.555.717.995
3	Chi phí di chuyển đường điện		758.561.104	758.561.104		758.561.104
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	21.830.935.534	17.148.065.767		17.148.065.767	-4.682.869.767
1	Điểm trường chính	17.148.065.767	17.148.065.767			
2	Điểm trường lẻ	4.682.869.767				-4.682.869.767
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	2.562.811.728	2.110.648.989		2.110.648.989	-452.162.739
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	8.363.196.630	7.279.731.771		7.279.731.771	-1.083.464.859
1	Tư vấn khảo sát, lập Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500	336.854.000	336.854.000		336.854.000	
2	Chi phí khảo sát xây dựng	628.876.000	628.876.000		628.876.000	
3	Chi phí tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi	692.658.822	692.658.822		692.658.822	
4	Chi phí thẩm tra thiết kế PCCC	4.635.000	4.635.000		4.635.000	

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Chênh lệch sau điều chỉnh
5	Chi phí thiết kế BVTC và dự toán	2.987.106.829	2.220.090.795		2.220.090.795	-767.016.034
6	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	165.884.552	143.885.832		143.885.832	-21.998.720
7	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	162.329.883	140.988.802		140.988.802	-21.341.081
8	Chi phí thẩm định giá	200.000.000	200.000.000		200.000.000	
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2.151.759.620	1.902.383.152		1.902.383.152	-249.376.468
10	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	153.739.924	130.007.368		130.007.368	-23.732.556
11	Chi phí thí nghiệm nén tĩnh cọc	500.000.000	500.000.000		500.000.000	
12	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng	25.607.000	25.607.000		25.607.000	
13	Chi phí lập hồ sơ đăng ký môi trường	33.406.000	33.406.000		33.406.000	
14	Phí kiểm định đánh giá chất lượng công trình	320.339.000	320.339.000		320.339.000	
VI	CHI PHÍ KHÁC	1.435.412.867	1.274.403.466		1.274.403.466	-161.009.401
1	Chi phí rà phá bom mìn	233.002.255	233.002.255		233.002.255	
2	Chi phí bảo hiểm công trình	96.546.565	78.684.770		78.684.770	-17.861.795
3	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	13.938.685	13.938.685		13.938.685	
4	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	45.585.338	40.370.652		40.370.652	-5.214.686
5	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	44.433.362	39.297.678		39.297.678	-5.135.684
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	180.638.411	152.494.654		152.494.654	-28.143.757
7	Chi phí kiểm toán độc lập	605.659.750	512.551.477		512.551.477	-93.108.273

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Chênh lệch sau điều chỉnh
8	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	99.618.501	88.073.294		88.073.294	-11.545.207
9	Chi phí nghiệm thu đóng điện (Trạm biến áp, đường cáp,...)	50.000.000	50.000.000		50.000.000	
10	Chi phí đấu nối hạ tầng kỹ thuật	65.990.000	65.990.000		65.990.000	
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	15.790.022.210	12.830.720.294		12.830.720.294	-2.959.301.916
	TỔNG CỘNG	173.690.000.000	141.137.923.232	3.111.756.468	138.026.166.763	-32.552.321.080